

Ký bởi: Phan Thị
Huyền Trân
Ngày ký: 26-08-2025
14:19:47 +07:00

CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3

----- 000 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH**

An Giang, Tháng 08 năm 2025

CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3

----- 000 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH MAY
XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3
GIÁM ĐỐC**



Đông Kim Ngân

An Giang, Tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3	1
2. Tên cơ sở: Khu dân cư Đức Thành	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	7
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	9
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	9
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	16
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	16
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung;	17
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	17
6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	18
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	19
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	20
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	20
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có.	21
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: không có.....	21
Chương V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	26
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	26

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	27
Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	28
PHỤ LỤC BÁO CÁO	29

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐTM	Đánh giá tác động Môi trường
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
WHO	Tổ chức y tế thế giới
CTR	Chất thải rắn
BOD₅	Nhu cầu oxy sinh hoá
COD	Nhu cầu oxy hoá học
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
Coliforms	Vi khuẩn Coliforms
CO₂	Cacbon đioxit
SO₂	Lưu huỳnh đioxit
CO	Cacbon oxit
NO₂	Nitơ đioxit
CH₄	Mêtan
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Toạ độ mốc giới hạn vị trí của dự án.....	4
Bảng 2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	5
Bảng 3. Thống kê diện tích lô nền	5
Bảng 4. Hạng mục thu gom và thoát nước mưa của cơ sở	10
Bảng 5. Hạng mục thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	10
Bảng 6. Thống kê hạng mục, máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	14
Bảng 7. Kết quả thu và phân tích mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cơ sở.....	15
Bảng 8. Thống kê các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.....	19
Bảng 9. Giới hạn cho phép nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.....	20
Bảng 10. Quan trắc môi trường nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2023.....	23
Bảng 11. Quan trắc môi trường nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2024.....	24

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Các hoạt động của cơ sở trong giai đoạn vận hành.....	2
Hình 2. Sơ đồ vị trí cơ sở thể hiện qua ảnh vệ tinh.....	3
Hình 3. Sơ đồ thoát nước mưa chung của cơ sở	10
Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại cơ sở	11
Hình 5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở	12

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3

- Địa chỉ văn phòng: Số 25, tổ 1, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, An Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ông Đồng Kim Ngân - Chức vụ: Giám Đốc.

- Điện thoại: 02963 959126;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601971713, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2015, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 02/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

- Mã số thuế: 1601971713.

2. Tên cơ sở: Khu dân cư Đức Thành

- Địa điểm cơ sở: khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

Quyết định chủ trương đầu tư số 2591/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3 đầu tư Khu Dân cư Đức Thành, phường Mỹ Thới;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 1245/QĐ-STNMT ngày 19/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu Dân cư Đức Thành;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 400/GP-STNMT ngày 20/04/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang;

+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành số 2180/GXN-STNMT ngày 08/07/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang;

- Quy mô của cơ sở (nêu rõ quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP): cơ sở có quy mô tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm III theo thứ tự số 02, mục II của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP): không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới (điểm c khoản 4 Điều 8 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14).

- Phân nhóm dự án đầu tư: Tổng vốn đầu tư 155.266.000.000 đồng, dự án này thuộc dự án nhóm B (theo quy định tại khoản 3 điều 9 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14).

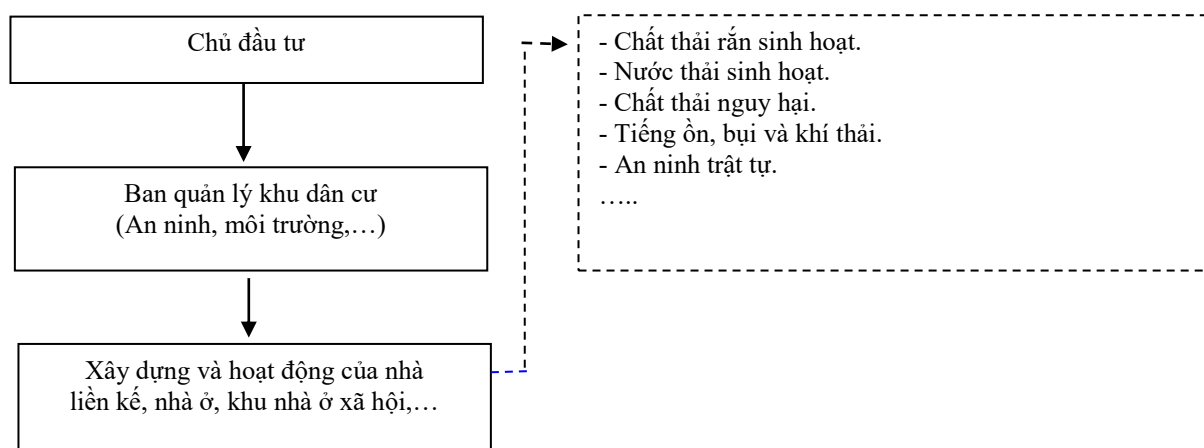
Từ các nội dung nêu trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 39 và khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng thực hiện Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục X (mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động) ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và trình Sở Nông nghiệp và Môi trường An Giang thẩm định, cấp phép.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Diện tích khu vực dự án 76.893m².
- Số lô nền (hộ): 339.
- Khu nhà ở xã hội (căn hộ): 360
- + Số tầng: 07-09.
- + Số lượng căn hộ/tầng: 40.
- + Diện tích mỗi căn hộ: 60-80m².
- Dân số ước tính (toàn dự án): 3.495 dân (bình quân mỗi lô nền/hộ có 05 người)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:



Hình 1. Các hoạt động của cơ sở trong giai đoạn vận hành

Chủ đầu tư sau khi tiến hành bố trí mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan như: thoát nước chung, công viên, cây xanh, cấp nước, cấp điện,... và phân lô nền trong diện tích dự án. Các lô nền thương mại sẽ được phân chia và bán lại cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đầu tư xây dựng. Quá trình xây dựng các công trình sau khi dự án hoàn thành sẽ tuân thủ các quy định chung của

đơn vị quản lý dự án, pháp luật về xây dựng, pháp luật về môi trường, đảm bảo chất thải phát sinh được quản lý và xử lý hiệu quả nhất, đảm bảo quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường...

3.3. Sản phẩm của cơ sở: nhà ở và các dịch vụ, công trình phụ trợ.

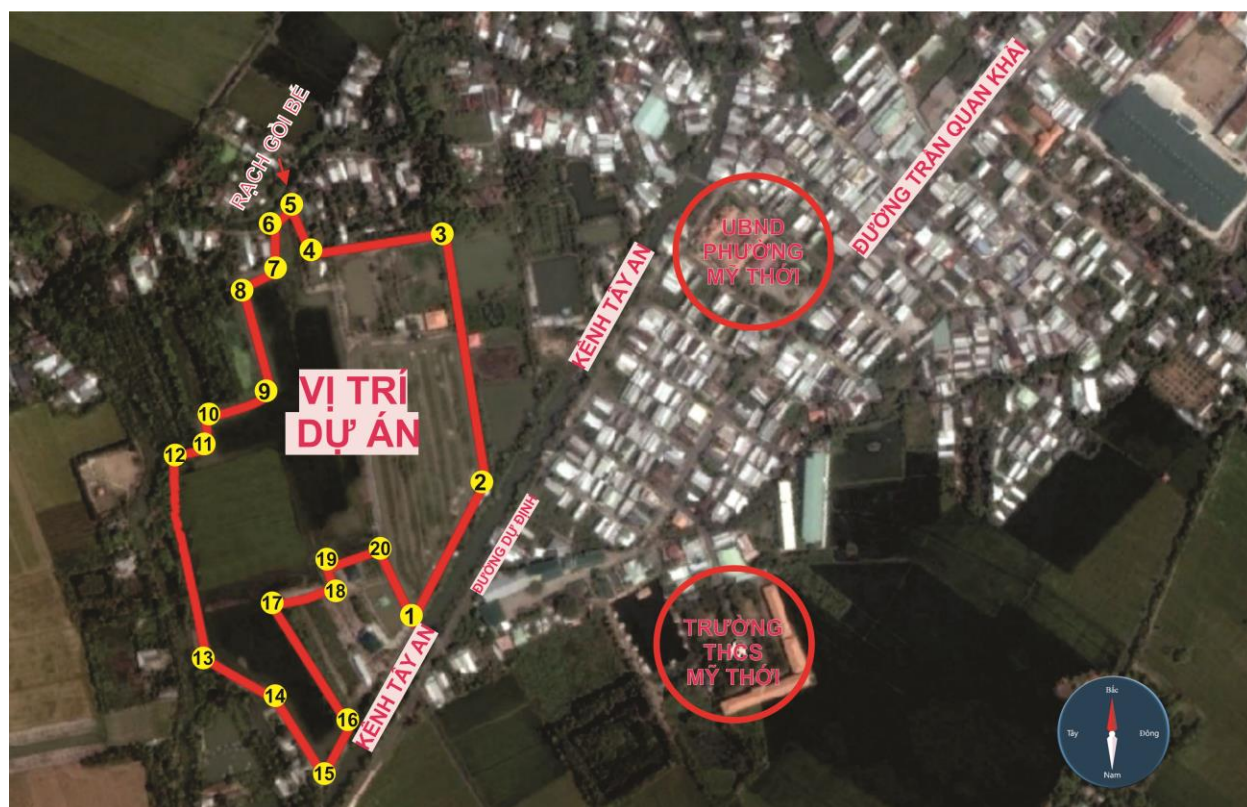
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Điện: Nhà máy sử dụng lưới điện Quốc gia, đảm bảo nguồn cung cấp điện phục vụ cho sinh.

- Nước sử dụng cho nhà máy: Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhà máy được sử dụng hệ thống cấp nước của Công ty Cổ phần điện nước An Giang.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Vị trí cơ sở



Hình 2. Sơ đồ vị trí cơ sở thể hiện qua ảnh vệ tinh

Vị trí cơ sở tại khóm Tây An, phường Mỹ Thới thuộc đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phía Bắc đường Trần Quang Khải, phường Mỹ Quý và phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên. Có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất dân cư hiện trạng cặp rạch Gòi Bé;
- + Phía Nam giáp kênh Tây An – Phú Hòa;
- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp;

- + Phái Tây giáp nương nước rạch Gòi Bé.
- **Các đối tượng tự nhiên:**
 - + Rạch Gòi Bé tiếp giáp khu vực dự án.
 - + Ao, vườn cây lâu năm.
- **Các đối tượng kinh tế xã hội:**
 - + Trường THCS Mỹ Thới cách dự án 300m về hướng Đông Nam.
 - + UBND phường Mỹ Thới cách dự án 250m về hướng Đông Bắc.

Bảng 1. Toạ độ mốc giới hạn vị trí của dự án

Ký hiệu	X	Y
1	00577089	01144093
2	00577169	01144203
3	00577170	01144413
4	00577048	01144410
5	00577038	01144453
6	00577026	01144438
7	00577022	01144416
8	00576985	01144405
9	00576998	01144315
10	00576942	01144298
11	00576944	01144269
12	00576997	01144260
13	00576916	01144085
14	00576964	01144045
15	00576990	01143968
16	00577015	01143995
17	00576979	01144125
18	00577021	01144122
19	00577015	01144151
20	00577070	01144154

Ghi chú: hệ tọa độ VN2000

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Bảng 2. Các hạng mục công trình của cơ sở

stt	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	42.218	54,9
	- Nhà ở kết hợp thương mại	14.839	-
	- Nhà phố liên kế	18.935	-
	- Nhà ở xã hội	8.444	-
2	Đất giáo dục (nhà trẻ)	1.755	2,28
3	Khu xử lý nước thải	747	0,97
4	Đất giao thông	23.559	30,64
5	Đất cây xanh	4.490	5,84
6	Đất dự trữ phát triển	4.124	5,36
	Tổng cộng	76.893	100%

Bảng 3. Thống kê diện tích lô nền

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	TỔNG SỐ NỀN
I	NHÀ Ở KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	14.839	123
1	LÔ A	1.044	8
2	LÔ B	3.464	30
3	LÔ C	1.862	16
4	LÔ D	3.334	29
5	LÔ E	744	6
6	LÔ F	784	6
7	LÔ G	784	6
8	LÔ H	1.099	8
9	LÔ I	1.724	14
II	NHÀ PHỐ LIÊN KẾ	18.935	216
10	LÔ A'	100	1
11	LÔ B'	2.951	29
12	LÔ F'	720	8
13	LÔ G'	4.718	51
14	LÔ I'	1.832	16

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)	TỔNG SỐ NỀN
15	LÔ J	739	10
16	LÔ K	2.186	33
17	LÔ L	1.480	21
18	LÔ M	1.900	20
19	LÔ N	2.309	27
III	NHÀ Ở XÃ HỘI	8.444	360
1	Tầng 1	-	40
2	Tầng 2	-	40
3	Tầng 3	-	40
4	Tầng 4	-	40
5	Tầng 5	-	40
6	Tầng 6	-	40
7	Tầng 7	-	40
8	Tầng 8	-	40
9	Tầng 9	-	40

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở được xây dựng và hoạt động dựa trên Quyết định chủ trương đầu tư số 2591/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3 đầu tư Khu Dân cư Đức Thành, phường Mỹ Thới; Quyết định số 3038/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đức Thành, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với:

- Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện châu phú đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phân vùng bảo vệ môi trường: thuộc khu vực đô thị (ngoại ô).

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.1. Đối với nước thải: lượng nước thải phát sinh tối đa theo giấy phép xả thải được cơ quan có thẩm quyền cấp là 600 m³/ngày.đêm tương đương 25m³/giờ (thực tế phát sinh thấp hơn tùy vào tình hình hoạt động của cơ sở), đảm bảo khả năng tiếp nhận của kênh Tây An. Về chất lượng, Nước thải sau xử lý của cơ sở đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý thoát ra kênh Tây An đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B (theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước), trước khi xả thải ra môi trường nên tác động đến nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của cơ sở là không đáng kể.

*** Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt thể hiện thông qua kết quả thu và phân tích mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cơ sở như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (k=1)
1	pH	—	7,33	5-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	10	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	13	100

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (k=1)
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	413	1.000
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	<1,2	20
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)		<0,04	4
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	4,29	10
8	Chất hoạt động bề mặt		0,2	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	4,0	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	40,7	50
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	<1,8	5.000

Nguồn: kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cơ sở, tháng 6/2025)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu trên cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều đạt so với Quy chuẩn 14:2008/BTNMT cột B. Vì vậy, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở vẫn hoạt động và xử lý tốt nước thải trước khi thải ra môi trường, hạn chế đến mức thấp nhất tác động đến chất lượng cũng như khả năng chịu tải nguồn tiếp nhận (kênh Tây An).

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Tải Lượng:

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được ước tính cho lượng mưa lớn nhất theo ngày như sau:

$$Q_m = A \cdot F \quad (\text{m}^3/\text{tháng})$$

Trong đó:

- *A*: Lượng mưa trung bình hàng tháng theo niên giám thống kê An Giang năm 2022
- *F*: Diện tích khai thác lấy bằng 20.099 m².

Đài khí tượng thủy văn tỉnh An Giang (2020 – 2023) thì lượng mưa trung bình cao nhất ở tháng 09/2020 là 371,5mm. Lượng mưa rơi chảy tràn tính theo công thức:

$$76.893\text{m}^2 \times 371,5 \times 10^{-3} = 18.565,7\text{m}^3/\text{tháng} \approx 952,19 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

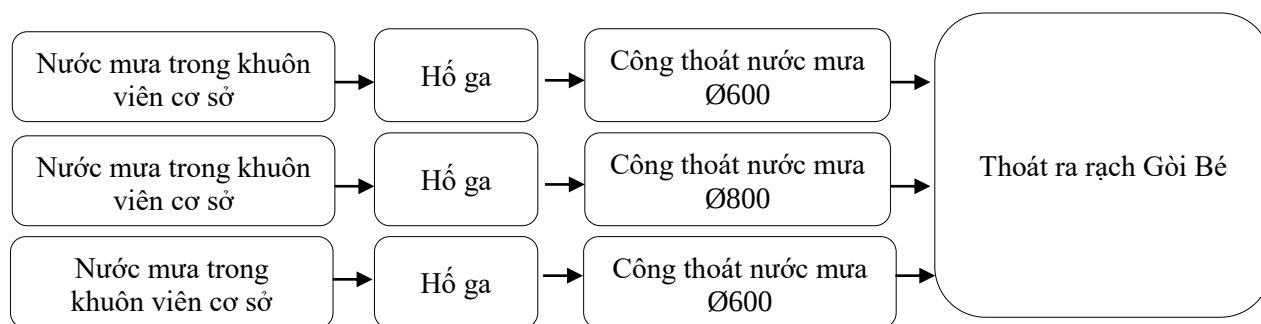
- Thu gom và thoát nước mưa:

Tổng số cửa xả nước mưa ra sông Hậu: 03 cửa.

+ Cửa xả 1: Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên cơ sở được thu gom bằng hệ thống cống kín BTCT Ø600 đặt dưới lòng đường, được bố trí 42 hố ga 1,4m x 1,4m x 1,4m (khoảng cách các hố ga trung bình 30m) lắng sơ bộ. Nước mưa trên mặt đường được thu theo hướng dốc mặt đường có độ dốc $i = 0,002\%$ và tự chảy thoát ra rạch Gòi Bé bằng 01 cửa xả, vị trí tại tọa độ $X = 577164$; $Y = 1144171$ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^\circ 45'$, múi chiều 3°);

+ Cửa xả 2: Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên cơ sở được thu gom bằng hệ thống cống kín BTCT Ø800 đặt dưới lòng đường, được bố trí 27 hố ga 1,4m x 1,4m x 1,4m (khoảng cách các hố ga trung bình 30m) lắng sơ bộ. Nước mưa trên mặt đường được thu theo hướng dốc mặt đường có độ dốc $i = 0,002\%$ và tự chảy thoát ra rạch Gòi Bé bằng 01 cửa xả, vị trí tại tọa độ $X = 577130$; $Y = 1144130$ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^\circ 45'$, múi chiều 3°);

+ Cửa xả 3: Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên cơ sở được thu gom bằng hệ thống cống kín BTCT Ø600 đặt dưới lòng đường, được bố trí 51 hố ga 1,4m x 1,4m x 1,4m (khoảng cách các hố ga trung bình 30m) lắng sơ bộ. Nước mưa trên mặt đường được thu theo hướng dốc mặt đường có độ dốc $i = 0,002\%$ và tự chảy thoát ra rạch Gòi Bé bằng 01 cửa xả, vị trí tại tọa độ $X = 577006$; $Y = 1143987$ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^\circ 45'$, múi chiều 3°);



Hình 3. Sơ đồ thoát nước mưa chung của cơ sở

Bảng 4. Hạng mục thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật/ kết cấu	Số lượng
1	Cống BTCT	Ø600	1.775m
2	Cống BTCT	Ø800	191m
3	Hố ga	(dài x rộng x cao = 1,4m x 1,4m x 1,4m)	118 cái
4	Cửa xả	Ø600	02
5	Cửa xả	Ø800	01

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

* Công trình thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt của mỗi hộ dân trong cơ sở sẽ được xử lý sơ bộ thông qua bể tự hoại 3 ngăn do chủ hộ tự xây dựng đảm bảo kỹ thuật trước khi dẫn ra hố ga thu gom nước thải (kích thước 1,2m x 1,2m, số lượng 236 cái) và được dẫn về hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tập trung công suất 600 m³/ngày của cơ sở bằng hệ thống ống HPPE Ø315 và ống PVC Ø200.

* Công trình thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý thoát ra kênh Tây An bằng ống PVC Ø168 dài khoảng 5m.

Bảng 5. Hạng mục thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở

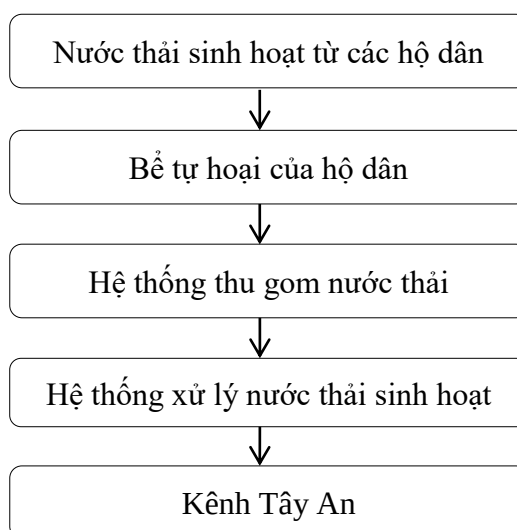
STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật/ kết cấu
Thu Gom nước thải		

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật/ kết cấu
Thu Gom nước thải		
1	Đường ống HPPE	Ø315 dài 648m
2	Đường ống PVC	Ø200 dài 1.812m
3	Hố ga	1m x 1m x 1m (236 cái)
Thoát nước thải		
6	Đường ống PVC	Ø168 dài 5m

c. Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Vị trí xả nước thải nước thải sinh hoạt sau xử lý: Ống thoát nước chảy ra kênh Tây An đoạn sông thuộc địa phận Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang; tọa độ vị trí xả thải: X= 0576902; Y= 1144253 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°). Xung quanh vị trí xả thải là khu vực trồng trãi, không có các công trình nuôi trồng thủy sản; Có bố trí biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nổi nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thoát ra kênh Tây An.



Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại cơ sở

1.3. Xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

- Tải Lượng:

Theo QCVN 01:2021/BXD dùng cho sinh hoạt thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Theo Nghị định 80/2014/NĐCP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ.

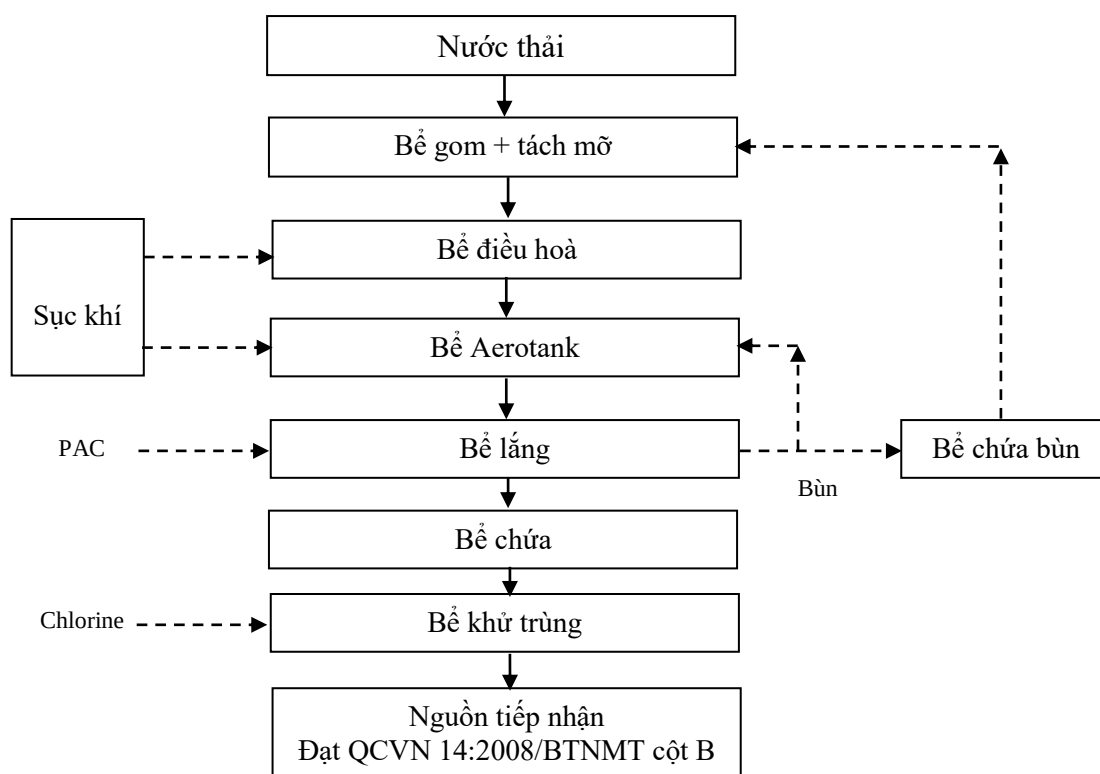
Hiện tại, tổng số dân của cơ sở có khoảng 3.495 người. Do đó, ta có thể tính toán, ước lượng nước thải sinh hoạt là:

$$836 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người.ngđ} \times 100\% = 66.880 \text{ lít/ngày} (66,88 \text{ m}^3/\text{ngày})$$

Thực tế, theo kết quả quan trắc định kỳ, lượng nước thải tối đa khoảng 110 m³/ngày.

Cơ sở đã tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với thông số kỹ thuật như sau:

- Công suất: 600 m³/ngày.
- Công nghệ: xử lý sinh học hiếu khí.
- Quy trình vận hành:



Hình 5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

+ **Bể gom - tách mỡ:** Bể này có nhiệm vụ tập trung nước thải, ngoài ra bể còn có công dụng tách mỡ.

+ **Bể điều hòa:** Nước thải từ bể gom - tách mỡ sẽ được bơm tập trung qua bể điều hòa có kết hợp làm thoáng sơ bộ. Thời gian lưu nước tại đây khoảng 5 giờ. Bể điều hòa hiếu khí là nơi tập trung nước thải với mục đích ổn định lưu lượng, dòng chảy, nồng độ chất rắn, pH; và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Làm thoáng sơ bộ nước thải tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí gây mùi hôi, bay hơi hóa chất có trong nước thải.

+ **Bể sinh học hiếu khí (Aerotank):** Bể sinh học hiếu khí là nơi diễn ra quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ và quá trình nitrat hóa trong điều kiện cấp khí nhân tạo.

+ **Bể lắng:** Nước sau bể sinh học hiếu khí (Aerotank) tự chảy vào bể lắng; Bể lắng có dạng hình vuông, đáy hình chóp, nước thải được đưa vào ống trung tâm phía cuối ống trung có dạng hình loa, có thiết kế tấm chắn hình nón cuối ống chủ yếu nhằm làm giảm dòng chảy tạo không gian lắng yên tĩnh, nước sẽ được thu qua máng thu ở phía trên. Bùn được giữ lại ở đáy bể lắng. Một phần được tuần hoàn lại bể Aerotank, một phần được đưa đến bể chứa bùn. Với thời gian lưu của nước trong bể lắng khoảng 2 giờ, hiệu quả giữ lại cặn lơ lửng đạt 70-80%.

+ **Bể chứa:** Nước thải sau lắng sẽ được chảy về bể chứa, ở đây nước được lưu trữ lại với một lượng nhất định đủ để hoạt động công trình xử lý kế tiếp.

+ **Bể khử trùng:** Nước thải tại bể chứa được bơm vào bể khử trùng. Đây là giai đoạn khử trùng ở bể tiếp xúc với chlorine. Chlorine được định lượng vào nước thải. Thời gian tiếp xúc của chlorine với nước thải khoảng 15-30 phút. Nước thải sau quá trình xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó nước thải được thải ra nguồn kênh Tây An.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine (500g/ngày).
- Điện năng tiêu thụ: 4.388 Kwh/tháng (*tương đương 146,2 Kwh/ngày*);
- Thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra: sử dụng đồng hồ cơ f34 để theo dõi.
- Chế độ vận hành: 24 giờ/ngày.
- Hiệu quả xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Bảng 6. Thống kê hạng mục, máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

STT	Tên máy móc/ thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể gom	Kích thước: dài x rộng x cao = 4,2m x 2,8m x 3,2m.	01
1.1	Bơm chìm	Công suất 5Hp; Q = 1.000 l/ph	02
2	Bể điều hoà	Kích thước: dài x rộng x cao = 15,6m x 5m x 3,2m.	01
2.1	Bơm nước thải (bơm chìm)	Công suất 5Hp; Q = 1.000 l/ph	02
3	Bể Aerotank	Kích thước: dài x rộng x cao = 15,6m x 9,4m x 3,2m.	01
3.1	Máy thổi khí độ ồn thấp	Công suất 22KW; Q = 17,37 m ³ /giờ	02
3.2	Đĩa phân phối khí	Lưu lượng 0-9,5 m ³ /giờ; Đường kính 276,8mm	216
4	Bể lắng	Kích thước: dài x rộng x cao = 5,8m x 5,8m x 3,2m.	01
4.1	Bơm bùn tuần hoàn (bơm nổi)	Công suất 4Hp; Q = 600 l/ph	02
4.2	Pi lắng	Vật liệu: inox SUS304; đường kính 1.200mm; cao 2.400mm	01
4.3	Thùng chứa hoá chất	Vật liệu: nhựa; loại đứng, thể tích 1.500 lít	01
5	Bể chứa	Kích thước: dài x rộng x cao = 5,8m x 2,0m x 3,2m.	01
5.1	Bơm chứa (bơm nổi)	Công suất 4Hp; Q = 560 l/ph	02

6	Bể khử trùng	Kích thước: dài x rộng x cao = 2,6m x 0,8m x 2,5m.	01
6.1	Bơm định lượng	Công suất 45W; Q = 100 l/giờ	01
6.2	Thùng chứa hoá chất	Vật liệu: nhựa; loại đứng, thể tích 1.500 lít	01
7	Bể chứa bùn	Kích thước: dài x rộng x cao = 4,2m x 2,8m x 3,2m.	01

*** Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt:**

Bảng 7. Kết quả thu và phân tích mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (k=1)
1	pH	–	7,33	5-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	10	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	13	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	413	1.000
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	<1,2	20
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)		<0,04	4
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	4,29	10
8	Chất hoạt động bề mặt		0,2	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	4,0	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	40,7	50
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	<1,8	5.000

Nguồn: kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau xử lý tại cơ sở, tháng 6/2025)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu trên cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều đạt so với Quy chuẩn 14:2008/BTNMT cột B. Vì vậy, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở vẫn hoạt động và xử lý tốt nước thải trước khi thải ra môi trường.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Bụi và khí thải (SO_2 , CO, NO_x) từ phương tiện giao thông trong khu vực nội bộ không nhiều do mặt nền đã được bê tông hóa, các hộ gia đình sử dụng xe thường xuyên kiểm tra bảo trì phương tiện đảm bảo trong tình trạng tốt.

Hầu hết các hộ gia đình sẽ nấu ăn bằng gas và điện nên lượng khí thải không đáng kể.

Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh trong khu dân cư, dọc theo hai bên vỉa hè và dải phân cách, bố trí các loại cây bản địa, có thân thẳng, gỗ dai chịu được gió, rễ ăn sâu, tán lá gọn, không gây độc hại, nguy hiểm cho khách bộ hành, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến hạ tầng đô thị, lá có bản rộng, chống nóng, để tăng cường quá trình quang hợp, tăng hiệu quả làm sạch môi trường và tuổi thọ cao: sao, dâu, phượng vĩ,...; . Trên dải phân cách trồng xen cỏ lá gừng nhằm phủ xanh toàn bộ diện tích, chống gây xói mòn.

Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh, thu gom rác và lá cây tại hố ga thoát nước và khu vực công cộng của khu dân cư nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất trên đường, hạn chế mùi hôi do cống rãnh gây ra.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- **Chủng loại:** Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của những người sống trong khu vực cơ sở như các chất hữu cơ, thực phẩm thừa, giấy,... Đây là các chất hữu cơ dễ phân hủy, phát sinh mùi hôi nên nếu không có biện pháp thu gom và xử lý sẽ ảnh hưởng đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe của người dân.

- **Khối lượng:** theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây Dựng thì lượng chất thải rắn phát sinh đối với đô thị loại V (TP Long Xuyên thuộc đô thị loại I) mỗi người là 1,3kg rác/ngày. Hiện tại, tổng số dân của cơ sở có khoảng 836 người (209 hộ dân, mỗi hộ 04 người). Do đó, ta có thể tính toán lượng chất thải rắn sinh hoạt là:

$$836 \text{ người} \times 1,3 = 1.086,8 \text{ kg/ngày.}$$

- **Thu gom, xử lý:**

Bố trí thùng rác với dung tích 120 lít tại 30 vị trí trên các tuyến đường trong cơ sở để đảm bảo thu gom tất cả lượng rác thải phát sinh, thêm vào đó ở mỗi hộ gia đình sẽ trang bị thùng rác riêng, sau đó bỏ vào thùng rác công cộng.

Khu vực tập kết tập trung (chưa tạm thời chờ đơn vị hợp đồng đến thu gom): diện tích 50m², nền xi măng, khung thép, mái tole.

Hợp đồng với Công ty CP Môi trường đô thị An Giang thu gom và xử lý mỗi ngày (hợp đồng đính kèm phụ lục).

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung;

- Nguồn phát sinh:

Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của chính người dân trong khu dân cư, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác, các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức ồn khác nhau.

- Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Tiếng ồn từ phương tiện ra vào khu vực, từ sinh hoạt văn nghệ, tiệc tùng, hội họp của người dân, tuy nhiên hoạt động này diễn ra không thường xuyên. Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng Chủ cơ sở đã phối hợp với địa phương quản lý, về tình hình an ninh, trật tự xã hội tại khu vực. Một số biện pháp giảm thiểu tác động như sau:

+ Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

+ Các dịch vụ vui chơi giải trí sẽ được quản lý chặt chẽ về thời gian khai thác nhất là ban đêm. Nghiêm cấm tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

*** Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải**

Bố trí nhân viên vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố. Hàng năm tập huấn, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra các máy bơm, hệ thống thu gom, hệ thống thoát nước thải và đường ống trong hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sớm các nguy cơ xảy ra sự cố.

- Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngừng hoạt động do hiện tượng cúp điện: Công ty đã có trang bị máy phát điện dự phòng nên sẽ nhanh chóng cung cấp điện lại cho hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Hiện tại, tổng sức chứa của các bể là 944,08 m³, nước thải phát sinh tối đa là 600 m³/ngày nên có khả năng chứa nước thải tối đa trong vòng 1,57 ngày (*thực tế hiện tại nước thải phát sinh khoảng 110 m³/ngày nên khả năng chứa nước thải tối đa trong vòng 8,58 ngày*) khi có sự cố bất buộc hệ thống xử lý nước thải bị ngưng hoạt động. Trong thời gian này, chủ cơ sở sẽ tiến

hành khắc phục sự cố và đưa hệ thống vào hoạt động lại.

6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Sự cố về điện:

Các thiết bị điện cần tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện, phải có thiết bị bảo vệ quá tải và lắp đặt hệ thống chống giật. Máy móc thiết bị phải lên lịch theo dõi định kỳ, các thông số kỹ thuật, thay thế, bảo trì đúng thời hạn. Ngoài ra, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy: bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy.

b. Sự cố cháy nổ:

Cháy nổ có thể xảy ra đối với bất kỳ hoạt động. Vì vậy PCCC là hoạt động quan trọng và cần được thực hiện nghiêm ngặt các quy định, cần áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục.

Theo tiêu chuẩn 2622-1995, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng một lúc là 01, lưu lượng nước cho 01 đám cháy 10l/s → Dự án bố trí 07 trụ cứu hỏa tại các vị trí thuận lợi để dễ dàng thao tác khi có sự cố.

Bảo trì các máy móc thiết bị không để rò rỉ dầu mỡ. Lắp các phận bộ phòng cháy cho các thiết bị điện như các thiết bị điện phải có phận bộ bảo vệ khi quá tải.

Ngoài ra cần phải phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy của thành phố để có kế hoạch hành động khi có sự cố xảy ra.

* An toàn phòng chống cháy nổ tại khu nhà ở xã hội:

- Nhà ở phải bố trí hệ thống điện, bếp đun nấu, nơi thờ cúng bảo đảm an toàn các chất dễ cháy, nổ phải xa nguồn lửa, nguồn nhiệt, chuẩn bị các điều kiện, phương tiện để sẵn sàng dập lửa khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Khi có sự cố rò rỉ khí gas, phải nhanh chóng tiếp cận khóa van bình gas lại, tuyệt đối không được bật mở bất kỳ một thiết bị sử dụng điện nào, kể cả dùng bật lửa, đồng thời mở hết các cửa cho khí gas bay ra ngoài.

- Thi công xây dựng, công trình phải được duyệt về phòng chống cháy và chữa cháy và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy đầy đủ theo đúng quy định hiện hành.

- Khi có sự cố cháy xảy ra thì nhanh chóng gọi điện báo cho lực lượng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy theo số 114.

c. Tai nạn giao thông:

Người điều khiển phương tiện vận chuyển phải chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông. Đặt các biển báo giao thông quy định tuyến đường dành cho người đi bộ và phương tiện giao thông, các biển báo quy định tốc độ,....

Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường giao thông nội bộ của dự án nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng để có những biện pháp khắc phục, sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông trong khu vực dự án.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 8. Thống kê các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

TT	Nội dung/hạng mục	Nội dung theo đề án BVMT chi tiết được duyệt	Nội dung theo thực tế (thay đổi so với đề án)	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải	- Quy trình: Nước thải → Bể gạn dầu → bể gom (điều hoà) → bể lắng → Bể Arotank → Cột lọc → bể khử trùng → kênh Tây An	- Quy trình: Nước thải → bể gom + tách mỡ → bể điều hoà → Bể Arotank → bể lắng → bể chứa → bể khử trùng → kênh Tây An	Điều chỉnh quy trình xử lý phù hợp thực tế, đảm bảo vận hành hiệu quả và đạt chất lượng cao hơn.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sống trong cơ sở (nước thải đen, nước thải xám) phát sinh thực tế khoảng 110m³/ ngày.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: tổng lưu lượng xả nước thải tối đa 600m³/ngày.đêm tương đương 25 m³/giờ (tính 24 giờ/ ngày.đêm)
- Dòng nước thải: dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý xả ra kênh Tây An;
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý của cơ sở đạt QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số K=1, cụ thể như sau:

Bảng 9. Giới hạn cho phép nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (k=1)
1	pH	—	7,33	5-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	10	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	13	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	413	1.000
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	<1,2	20
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	<0,04	4
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	4,29	10
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,2	10
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	4,0	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	40,7	50

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B (k=1)
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	<1,8	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý): Ống thoát nước chảy ra kênh Tây An đoạn sông thuộc địa phận Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang; tọa độ vị trí xả thải: X= 0576902; Y= 1144253 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°). Xung quanh vị trí xả thải là khu vực trồng trãi, không có các công trình nuôi trồng thủy sản; Có bố trí biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

+ Phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức): tự chảy, xả mặt, ven bờ ra kênh Tây An bằng đường ống PVC đường kính 168mm.

+ Chế độ xả thải: gián đoạn; hàng ngày (24 giờ/ngày.đêm).

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Tây An.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: không có.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Quan trắc môi trường định kỳ: hàng năm cơ sở đều tiến hành quan trắc môi trường theo đúng nội dung đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Lập hồ sơ và được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 400/GP-STNMT ngày 20/04/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành số 2180/GXN-STNMT ngày 08/07/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang;

- Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thiết bị chứa, khu vực tập kết tạm thời và hợp đồng với Công ty CP môi trường đô thị An Giang thu gom và xử lý hàng ngày.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt:

+ Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2023: 36.406 m³.

+ Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2024: 40.150 m³.

- Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023 và 2024 tại cơ sở:

Bảng 10. Quan trắc môi trường nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2023

Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số hóa lý										Tổng Coliforms
	pH	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	Sunfua (tính theo H ₂ S)	Dầu mỡ động thực vật	Amoni (tính theo N)	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Tổng chất rắn hoà tan	
	-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	
Mẫu 1 (Quý I)	6,9	5	11	1,98	<0,04	0,6	3,19	12,6	<0,022	416	9,3 x 10 ²
Mẫu 2 (Quý II)	6,8	6	13	0,097	<0,04	<0,3	4,41	9,27	<0,022	454	7,5 x 10 ²
Mẫu 3 (Quý III)	7,0	7	10	0,12	<0,04	<0,3	2,07	4,94	<0,022	432	1,5 x 10 ³
Mẫu 4 (Quý IV)	7,2	11	9	0,32	<0,04	<0,3	1,87	2,84	<0,022	502	2,1 x 10 ³
QCVN14:2008/BTNMT(Cột B); k=	5 - 9	100	50	10	4	20	10	50	10	1.000	5.000

*** Nhận xét:**

Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2023 có các chỉ tiêu quan trắc đều đạt so với quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

Bảng 11. Quan trắc môi trường nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2024

Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số hóa lý										Tổng Coliforms
	pH	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	Sunfua (tính theoH ₂ S)	Dầu mỡ động thực vật	Amoni (tính theo N)	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Tổng chất rắn hoà tan	
	-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	
Mẫu 1 (Quý I)	6,8	15	25	0,29	<0,04	<0,3	2,1	2,7	<0,022	420	1,5 x 10 ³
Mẫu 2 (Quý II)	7	17	31	0,23	<0,04	<1,2	3,29	4,47	<0,022	134	1,1 x 10 ³
Mẫu 3 (Quý III)	7,03	13	26	0,12	<0,04	<1,2	2,05	2,04	<0,022	162	1,7 x 10 ³
Mẫu 4 (Quý IV)	8,32	8	7	3,3	<0,04	<1,2	4,15	27,1	0,15	352	2,4 x 10 ³
QCVN14:2008/BTNMT(Cột B); k=	5 - 9	100	50	10	4	20	10	50	10	1.000	5.000

*** Nhận xét:**

Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý của cơ sở năm 2024 có các chỉ tiêu quan trắc đều đạt so với quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

- Trong quá trình hoạt động, chưa xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải định kỳ không vượt quá giá trị giới hạn cho phép theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải: Vào tháng 06 hàng năm sẽ tiến hành kiểm tra, bảo trì và vệ sinh hệ thống xử lý nước thải.

- Căn cứ vào tình trạng hoạt động thực tế và kết quả quan trắc nước thải sau xử lý định kỳ. Nhận thấy rằng, hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở đang hoạt động ổn định, hiệu quả và đáp ứng tốt yêu cầu của công trình xử lý nước thải.

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh năm 2023: 4.491 kg

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh năm 2024: 4.250kg

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Cơ sở chưa tiếp nhận đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Công trình xử lý nước thải của cơ sở đã vận hành ổn định và được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình của cơ quan có thẩm quyền, nên theo quy định hiện hành cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

***Quan trắc nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt:
- + Số lượng mẫu: 01 mẫu.
- + Vị trí giám sát: ống thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý (tọa độ vị trí xả thải là X= 0576902; Y= 1144253 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°)
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- + Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅(20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.
- + Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

*** Giám sát chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

- + Vị trí: khu vực tập kết rác sinh hoạt của cơ sở;
- + Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại.
- + Tần suất: thường xuyên, liên tục.

2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Loại hình dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất thải (không thuộc Phụ lục XXVIII và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí dự kiến thực hiện về Quan trắc nước thải hàng năm của cơ sở khoảng 10.000.000 đồng.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện các thủ tục đất đai, thuê mặt nước có liên quan đến bến thủy nội địa theo quy định;
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; các giấy phép môi trường thành phần.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1601971713

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 05 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 02 tháng 10 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THẠNH 3

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC THANH 3 GARMENT IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 25, Tổ 1, Khóm Đông Thạnh A, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0296.3959126

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYEN TOM (NGUYỄN CHÁNH THÀNH)	2791 Eucalyptus Ave, Long Beach, CA 90806, MỸ	15.600.000.000	39,000	039704888	
2	HÀ THỊ HỒNG NHUNG	241 Đường số 26, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	8.400.000.000	21,000	025437382	

3	KIMSALY (NGUYỄN THỊ KIM XOA)	2793 Eucalyptus Ave, Long Beach, CA 90806, MỸ	6.000.000.000	15,000	464986748	
4	LÝ MINH HQC	2793 Eucalyptus Ave, Long Beach, CA 90806, MỸ	6.000.000.000	15,000	456031364	
5	KEVIN CHÂU	2791 Eucalytus Ave, Long Beach, CA 90806, MỸ	2.000.000.000	5,000	430962381	
6	STEVEN NGUYỄN	2791 Eucalytus Ave, Long Beach, CA 90806, MỸ	2.000.000.000	5,000	493042672	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐỒNG KIM NGÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 351918287

Ngày cấp: 27/11/2009 Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 176B8 Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 176B8 Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

UBND PHƯỜNG MỸ THOÍ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2951 quyển số 1ACT-UBND

Ngày 19-10-2020



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Bé Ba



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phú Quốc

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành họp ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 22/ĐT3.18 ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3 về việc hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Đức Thành;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Đức Thành (sau đây gọi tắt là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3 (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí dự án: khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tọa độ giới hạn vị trí thực hiện Dự án như sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000	
	X	Y
1	577089	1144093
2	577169	1144203
3	577170	1144413
4	577048	1144410
5	577038	1144453
6	577026	1144438
7	577022	1144416
8	576985	1144405
9	576998	1144315
10	576942	1144298
11	576944	1144269
12	576997	1144260
13	576916	1144085
14	576964	1144045
15	576990	1143968
16	577015	1143995
17	576979	1144125
18	577021	1144122
19	577015	1144151
20	577070	1144154

1.2. Loại hình dự án: Hạ tầng khu dân cư.

1.3. Tổng diện tích đất: 76.893 m². Trong đó, diện tích đất ở 42.218 m² (gồm nhà ở kết hợp thương mại diện tích 14.839 m² và nhà phố liên kế diện tích 18.935 m² với tổng số 339 nền; nhà ở xã hội diện tích 8.444 m² bố trí 360 căn, tầng cao từ 7 - 9 tầng); đất giáo dục diện tích 1.755 m²; khu xử lý nước thải diện tích 747 m²; đất cây xanh diện tích 4.490 m²; đất giao thông diện tích 23.559 m²; đất dự trữ 4.124 m².

1.4. Tổng vốn đầu tư: 155.266.000.000 đồng.

1.5. Phạm vi phê duyệt dự án: Chỉ phê duyệt san lấp, xây dựng hạ tầng dự án; các hạng mục cấp điện, cấp thoát nước, giao thông, công trình xử lý nước thải của dự án. Đối với các hạng mục đầu tư khác vào phần đất của khu dân cư thì chủ đầu tư dự án mới phải lập thủ tục môi trường đúng theo quy định.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Trong giai đoạn thi công, san lấp, lắp đặt công trình:

- Chỉ được tiến hành thi công, xây dựng trong phạm vi khu đất dự án đã bồi hoàn, giải phóng mặt bằng.

- Lắp hàng rào cách ly, che chắn công trình thi công trong suốt quá trình xây dựng và lắp đặt các máy móc thiết bị; đối với các khu vực đặt máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, bụi, khu vực tập kết nguyên, vật liệu phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của Dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết giao thông, điều tiết lưu lượng phương tiện vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu hợp lý, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công xây dựng và công nhận làm việc trực tiếp tại Dự án.

- Thu gom, xử lý nước thải san lấp đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận..

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải dừng hoạt động, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung Báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 600 m³/ngày.đêm) đảm bảo hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động và đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Ngoài ra, trong lộ trình 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động chủ dự án cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải dừng hoạt động, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này, các quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Đang*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&CN;
- Phòng TN&MT thành phố Long Xuyên;
- Phòng QLĐT thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Thới;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT. *Đang*

GIÁM ĐỐC



Trần Đăng Đức

Số: 400 /GP-STNMT

An Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 08 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH May xuất nhập khẩu Đức Thành 3 ngày 15 tháng 02 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoáng sản, Nước và Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH May xuất nhập khẩu Đức Thành 3 (địa chỉ: Số 25, Tổ 01, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang) được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung như sau:



1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Kênh Tây An (kênh nhánh của Rạch Gòi Bé).

2. Vị trí xả nước thải: Khu dân cư Đức Thành

- Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

Stt	Vị trí	Tọa độ	
		X	Y
1	Nước thải chảy ra Kênh Tây An	0576902	1144253

3. Phương thức xả nước thải:

- Tự chảy sau khi xử lý.

- Nước thải từ các công đoạn phát sinh dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE đường kính từ 200mm đến 315mm → nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tự chảy ra Kênh Tây An bằng đường ống PVC đường kính 168mm (nước mặt tại Kênh Tây An chỉ sử dụng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, vườn cây ăn trái, không sử dụng trực tiếp cho sinh hoạt).

4. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: hàng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, $25 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

6. Chất lượng nước thải: giá trị tối đa các thông số xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K = 1. Cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
10	Photphat (PO_4^{3-} , tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN /100 ml	5.000

Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia viện dẫn trong giấy phép này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn mới.

7. Thời hạn giấy phép: 05 năm.

Điều 2: Các yêu cầu đối với Công ty TNHH May xuất nhập khẩu Đức Thành 3:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải như sau:

- Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải sau xử lý ba (03) tháng một (01) lần;
- Kiểm tra chất lượng, thành phần nguồn nước tiếp nhận nước thải sáu (06) tháng một (01) lần;

- Lắp đặt và giám sát thiết bị đo lưu lượng nước xả thải tại vị trí đầu ra của nước thải sau xử lý (thiết bị đo phải được kiểm định theo quy định) và mở sổ ghi chép lưu lượng xả nước thải hàng ngày;

- Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 03 tháng/lần.

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

4. Giám sát chặt chẽ các hoạt động thu gom, xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Khi gặp sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh hoặc phát hiện các trường hợp bất thường khu vực tiếp nhận nước thải phải ngưng ngay việc xả nước thải và báo cáo UBND thành phố Long Xuyên và Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn xử lý.

5. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường gồm các nội dung như sau:

- Tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải;

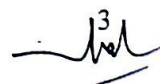
- Số liệu lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn tiếp nhận hàng ngày; kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải và nguồn nước tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Tình hình chấp hành quy định pháp luật tài nguyên nước;

- Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến chất lượng nước trong kỳ báo cáo và đề xuất kiến nghị (nếu có).

7. Chấp hành các quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 3. Công ty TNHH May xuất nhập khẩu Đức Thành 3 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật.



Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH May xuất nhập khẩu Đức Thành 3 còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Cty TNHH may XNK Đức Thành 3;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND TP. Long Xuyên;
- Phòng TNMT TP. Long Xuyên;
- P. KSN&BDKH, CCBVMT, TTra.Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Khu dân cư Đức Thành

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

1. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH May Xuất nhập khẩu Đức Thành 3.

Địa chỉ văn phòng: Số 25, Tổ 1, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Địa điểm thực hiện dự án: Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02963.959123.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601971373. Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 05 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 02 tháng 10 năm 2017. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1245/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án Khu dân cư Đức Thành (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

3. Trách nhiệm của Chủ dự án:

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian 05 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (kể từ ngày cấp Giấy xác nhận này), chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

4. Tổ chức thực hiện:

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Cty TNHH May XNK Đức Thành 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thành phố Long Xuyên;
- BGĐ Sở;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Phòng TNMT thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Thới;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 2180 /GXN-STNMT ngày 8 tháng 7 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Hệ thống thu gom nước mưa sử dụng cống tròn bê tông cốt thép $\varnothing 600 \div \varnothing 800$ đặt dưới lòng đường, bố trí các hố ga (kích thước 1400mm x 1400mm, số lượng 118 cái) khoảng cách các hố ga trung bình 30m. Nước mưa trên mặt đường được thu theo hướng dốc mặt đường có độ dốc $i = 0,002\%$ và tự chảy thoát ra kênh Tây An bằng 03 cửa xả (02 cửa xả $\varnothing 600$ và 01 cửa xả $\varnothing 800$).

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ trong khu dân cư sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày. Mạng lưới thu gom nước thải sử dụng các hố ga (kích thước 1200mm x 1200mm, số lượng 236 cái), bố trí ống thoát nước thải HPDE $\varnothing 200$ và $\varnothing 315$, $d=12,1$ mm dài 2.032m đầu nối vào hố ga, đặt dọc theo các trục đường giao thông để thu gom nước thải từ hộ dân cư đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

- Đã xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày.

- Quy trình vận hành:

+ Bể gom - tách mỡ: Bể này có nhiệm vụ tập trung nước thải, ngoài ra bể còn có công dụng tách mỡ.

+ Bể điều hòa: Nước thải từ bể gom - tách mỡ sẽ được bơm tập trung qua bể điều hòa có kết hợp làm thoáng sơ bộ. Thời gian lưu nước tại đây khoảng 5 giờ. Bể điều hòa hiếu khí là nơi tập trung nước thải với mục đích ổn định lưu lượng, dòng chảy, nồng độ chất rắn, pH; và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Làm thoáng sơ bộ nước thải tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí gây mùi hôi, bay hơi hóa chất có trong nước thải.

+ Bể sinh học hiếu khí (Aerotank): Bể sinh học hiếu khí là nơi diễn ra quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ và quá trình nitrat hóa trong điều kiện cấp khí nhân tạo.

+ Bể lắng: Nước sau bể sinh học hiếu khí (Aerotank) tự chảy vào bể lắng; Bể lắng có dạng hình vuông, đáy hình chóp, nước thải được đưa vào ống trung tâm phía cuối ống trung có dạng hình loa, có thiết kế tấm chắn hình nón cuối ống chủ yếu nhằm làm giảm dòng chảy tạo không gian lắng yên tĩnh, nước sẽ được thu qua máng thu ở phía trên. Bùn được giữ lại ở đáy bể lắng. Một phần

được tuần hoàn lại bể Aerotank, một phần được đưa đến bể chứa bùn. Với thời gian lưu của nước trong bể lắng khoảng 2 giờ, hiệu quả giữ lại lơ lửng đạt 70 – 80%.

+ Bể chứa: Nước thải sau lắng sẽ được chảy về bể chứa, ở đây nước được lưu trữ lại với một lượng nhất định đủ để hoạt động công trình xử lý kế tiếp.

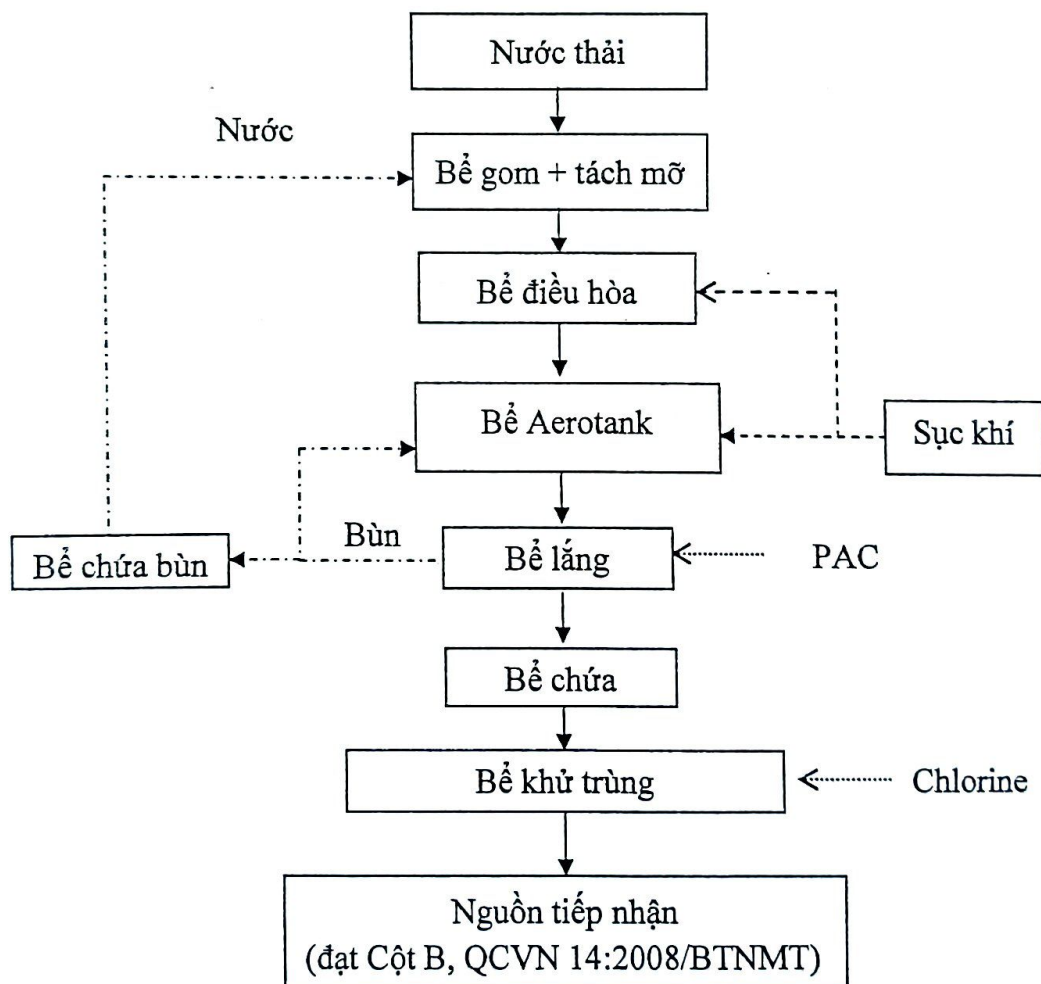
+ Bể khử trùng: Nước thải tại bể chứa được bơm vào bể khử trùng. Đây là giai đoạn khử trùng ở bể tiếp xúc với chlorine. Chlorine được định lượng vào nước thải. Thời gian tiếp xúc của chlorine với nước thải khoảng 15-30 phút. Nước thải sau quá trình xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó nước thải được thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Chlorine.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

- Chế độ vận hành: 24 giờ/ngày.

- Quy trình xử lý nước thải tập trung của dự án:



- Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý xả ra mương công cộng có tọa độ X = 0576902, Y=1144253 và tự chảy ra kênh Tây An. Mương công cộng, có công dụng tưới và tiêu thoát nước cho khu vực.

- Trong thời gian 05 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (kể từ ngày cấp Giấy xác nhận này), chủ dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:
Chất thải sinh hoạt: Bố trí 73 thùng rác loại 120 lít trên các tuyến đường trong khu dân cư và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày.

3. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: Đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích $16m^2$ (dài 04m x rộng 04m), cao 03m; kết cấu xây dựng: Khung thép, nền xi măng và mái tole, vách bằng Prima. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải: Trồng cây xanh trong khu dân cư; Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh, thu gom rác.

5. Chương trình quan trắc môi trường (Giám sát đối với nước thải):

- Vị trí: Tại 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

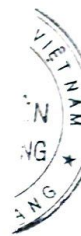
- Thông số: Lưu lượng thải, pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Sunfua (tính theo H₂S), Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất rắn hòa tan, Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Lưu ý: Trường hợp có tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới ban hành thay thế các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường đã được áp dụng thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện giám sát môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường mới.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Trong quá trình hoạt động, nếu có sự thay đổi liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; thực hiện vận hành thử nghiệm và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để được điều chỉnh Giấy xác nhận theo quy định của pháp luật./



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 92/2025.HDSH-CtyMTDTAG

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV;

Căn cứ Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh An Giang về quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang và nhu cầu của khách hàng,

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tại Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: 128 Nguyễn Trường Tộ, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 02963 841 072 – 02963 842 996

Tài khoản: 116000016094 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN An Giang

Mã số thuế: 1601604590

Đại diện Ông: Nguyễn Tiền Ngân, Chức vụ: Trưởng Phòng KH – VT

BÊN B: CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3

Địa chỉ: Số 25, Tổ 1, Khóm Đồng Thạnh A, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 02963 959 126

Email: xuanmai@ducthanh3.com.vn

Mã số thuế: 1601971713

Đại diện Ông (Bà): Đồng Kim Ngân, Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi trao đổi, bản bạc hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cho Bên B.



Điều 2. Trách nhiệm Bên A

Bên A phân công lực lượng công nhân và xe chuyên dùng đến bên B nhận rác thải sinh hoạt đã được tập kết sẵn và vận chuyển đến khu xử lý.

Điều 3. Trách nhiệm Bên B

- Bên B có trách nhiệm thu gom rác vào thùng và tập kết lại một nơi để bên A đến nhận. Vị trí tập kết rác phải thuận lợi cho xe chuyên dùng chở rác ra vào.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng này.

- Cung cấp địa chỉ email hoặc số điện thoại sử dụng zalo của người phụ trách để nhận hoá đơn giá trị gia tăng (bản thể hiện hoá đơn điện tử).

Điều 4. Địa điểm thu gom, thời gian thu gom và khối lượng thu gom

- Địa điểm thu gom: Khu dân cư Đức Thành (K. Tây An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang).

- Thời gian thu gom: Hàng ngày.

- Khối lượng rác thu gom: 0,24 m³/ngày (~ 1 thùng 240L/ngày).

Ghi chú: Trường hợp khi khối lượng rác thải thực tế phát sinh tăng hoặc giảm 10% so với hợp đồng đã ký, thì hai bên sẽ khảo sát lại lượng rác và ký phụ lục đính kèm hợp đồng này.

Điều 5. Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán và thời gian thanh toán

1. Giá trị hợp đồng trọn gói: 20.760.000 đồng/06 tháng (**Bằng chữ: Hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn**).

- Đơn giá theo Quyết định 94/2016/QĐ-UBND "Hộ gia đình thuộc phường, thị trấn": 20.000 đồng/hộ/tháng.

- Tổng số hộ: 173 hộ x 20.000 đồng/hộ/tháng = 3.460.000 đồng/tháng.

* *Giá trên đã bao gồm dự phòng trượt giá và tiền thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí (nếu có), thuế giá trị gia tăng được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành.*

2. Phương thức thanh toán

- Thanh toán: Hàng tháng

- Số tiền thanh toán mỗi tháng: 3.460.000 đồng (**Bằng chữ: Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn**).

3. Thời gian thanh toán

- Từ ngày 15-25 của tháng Bên A gửi hoá đơn giá trị gia tăng (bản thể hiện hoá đơn điện tử) đến địa chỉ email hoặc zalo người phụ trách mà Bên B đã cung cấp. Bên B thanh toán cho Bên A 01 (một) lần bằng tiền mặt nộp trực tiếp tại Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang hoặc chuyển khoản.

- Sau 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán từ Bên A, Bên B không thực hiện thanh toán đầy đủ thì Bên A có quyền ngưng thu gom rác sinh hoạt mà không cần phải thông báo cho Bên B.

Điều 6. Thời hạn của hợp đồng

Thời gian thực hiện kể từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

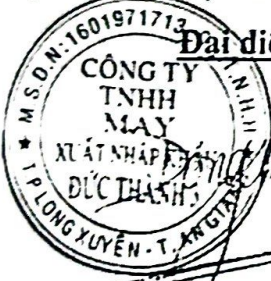
Điều 7. Điều khoản chung

- Khi một trong hai bên có thay đổi thông tin (tên đơn vị, địa chỉ, số tài khoản,...) phải thông báo cho bên còn lại biết trước từ 03 – 07 ngày. Trong trường hợp Bên A xuất hóa đơn trước thời gian Bên B gửi thông báo thay đổi thông tin thì mặc nhiên hóa đơn đó vẫn được chấp nhận và Bên B phải thanh toán tiền cho Bên A theo hóa đơn đã xuất.

- Bất kỳ một sự sửa đổi hay bổ sung hợp đồng sẽ chỉ có giá trị nếu như được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký vào phụ lục hợp đồng và phải thông báo cho bên còn lại biết chậm nhất là 03 (ba) ngày. Phụ lục hợp đồng này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

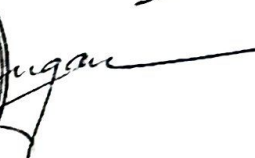
- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn trong quá trình thực hiện, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được sẽ chuyển vụ việc ra tòa án kinh tế giải quyết. Sau khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thì hợp đồng được xem như đã thanh lý.

- Hợp đồng này lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện Bên B



ĐỒNG KIM NGÂN

Đại diện Bên A



Nguyễn Tiên Ngân



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002039.23
MSM: HCM.23.0572.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/03/2023
Ngày trả kết quả : 23/03/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /24h	QT12-N-VTLL	110	110
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,00	6,9
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	52	11
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	30	5
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	792	416
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,1	0,6
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	61,53	3,19
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,184	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,018	1,980
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	0,11	12,6
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2,4 x 10 ⁴	9,3 x 10 ²

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải (576924; 1144265);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (576917; 1144253);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- ^(*): Thông số do khách hàng cung cấp.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005782.23
MSM: HCM.23.1904.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/06/2023
Ngày trả kết quả : 20/06/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT02
1	Lưu lượng nước thải	m ³ /24h	QT12-N-VTLL	110,0
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,80
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	6
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	454
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	4,41
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,097
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	9,27
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	7,5 x 10 ²

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (576917; 1144253);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009243.23

MSM: HCM.23.3023.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 24/08/2023
Ngày trả kết quả : 05/09/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /24h	QT12-N-VTLL	110	110
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,0
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	42	10
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	7
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	820	432
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,1	< 0,3
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	3,00	2,07
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,28	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,09	0,12
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,62	4,94
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1,1 x 10 ³	1,5 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (10°20'47"N, 105°27'16"N);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (10°20'47"N, 105°27'16"N);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;

^(*): Thông số do khách hàng cung cấp.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lê Minh Tiên



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0014032.23

MSM: HCM.23.4709.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH – CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 24/11/2023
Ngày trả kết quả : 06/12/2023



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /ngày đêm	QT12-N-VTLL	110	110
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,2
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	38	9
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	11
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	816	502
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,8	< 0,3
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	30,4	1,87
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,56	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,92	0,32
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	1,05	2,84
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2,4 x 10 ³	2,1 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"E, 10°20'47"N);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"E, 10°20'47"N);
- ^(*): Thông số do khách hàng cung cấp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



VILAS 533



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0001956.24

MSM: HCM.24.0609.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH
Địa điểm lấy mẫu : Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/03/2024
Ngày trả kết quả : 18/03/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /ngày đêm	QT12-N-VTLL	50	50
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,8
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	78	25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	15
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	798	420
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,4	< 0,3
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	28,8	2,1
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,77	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,93	0,29
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,9	2,7
12	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	3,9 x 10 ³	1,5 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"E; 10°20'47"N);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"E; 10°20'47"N);
- (*): Thông số do khách hàng cung cấp;
- (#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005623.24

MSM: HCM.24.2070.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH CÔNG TY TNHH MAY XNK ĐỨC THÀNH 3
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/06/2024
Ngày trả kết quả : 15/06/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /ngày đêm	QT08-N-LLN	50	50
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,00	7,00
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	95	31
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	73	17
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	497	134
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,9	< 1,2
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	31,7	3,29
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,67	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,58	0,23
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	0,75	4,47
12	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4,7 x 10 ³	1,1 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"N; 10°20'47"N);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'16"N; 10°20'47"N);
- (*): Thông số do khách hàng cung cấp;
- (#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc

Lại Minh Tiên



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn

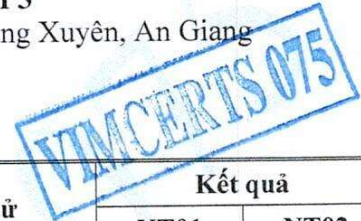


PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009941.24

MSM: HCM.24.3728.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH CÔNG TY TNHH MAY XNK ĐỨC THÀNH 3
Địa điểm lấy mẫu : khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 09/09/2024
Ngày trả kết quả : 17/09/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	NT02
1	Lưu lượng nước thải ^(*)	m ³ /ngày đêm	QT08-N-LLN	50	50
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,15	7,03
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	91	26
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	76	13
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	450	162
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,6	< 1,2
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	23,6	2,05
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,52	< 0,022
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,04	0,12
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	0,91	2,04
12	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	9,2 x 10 ³	1,7 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (10°20'46,656"N ; 105°27'15,800"E);
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (10°20'46,667"N; 105°27'15,483"E);
- (*): Thông số do khách hàng cung cấp;
- (#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

KT. Giám đốc

TRUNG TÂM

PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC

MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0001795.25
MSM: HCM.25.0729.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH - CÔNG TY TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3
Địa điểm lấy mẫu : Khóm Tây An, P. Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 11/03/2025
Ngày trả kết quả : 21/03/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả NT02
1	Lưu lượng nước thải (*)	m ³ /ngày đêm	-	105
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,52
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	16
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	276
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,69
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,13
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,1
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	15,3
12	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	4,9 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT02: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (10°20'46.667"N ; 105°27'15.483"N);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- ^(*): Thông số do khách hàng cung cấp.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

KT. Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0004844.25
MSM: HCM.25.2224.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
Tên khách hàng : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH - CÔNG TY
TNHH MAY XUẤT NHẬP KHẨU ĐỨC THÀNH 3
Địa điểm lấy mẫu : Khóm Tây An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 27/05/2025
Ngày trả kết quả : 09/06/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	Lưu lượng nước thải (*)	m ³ /ngày đêm	-	110
2	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,46
3	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	43
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	106
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QT03-N-EC-TDS	653
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3
7	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	67,8
9	Chất hoạt động bề mặt ^(#)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	2,5
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,1
11	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	< 0,020
12	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,4 x 10 ⁵

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải, tọa độ (105°27'15,764"E; 10°20'46,953"N);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- ^(*): Thông số do khách hàng cung cấp.

Trưởng phòng thí nghiệm

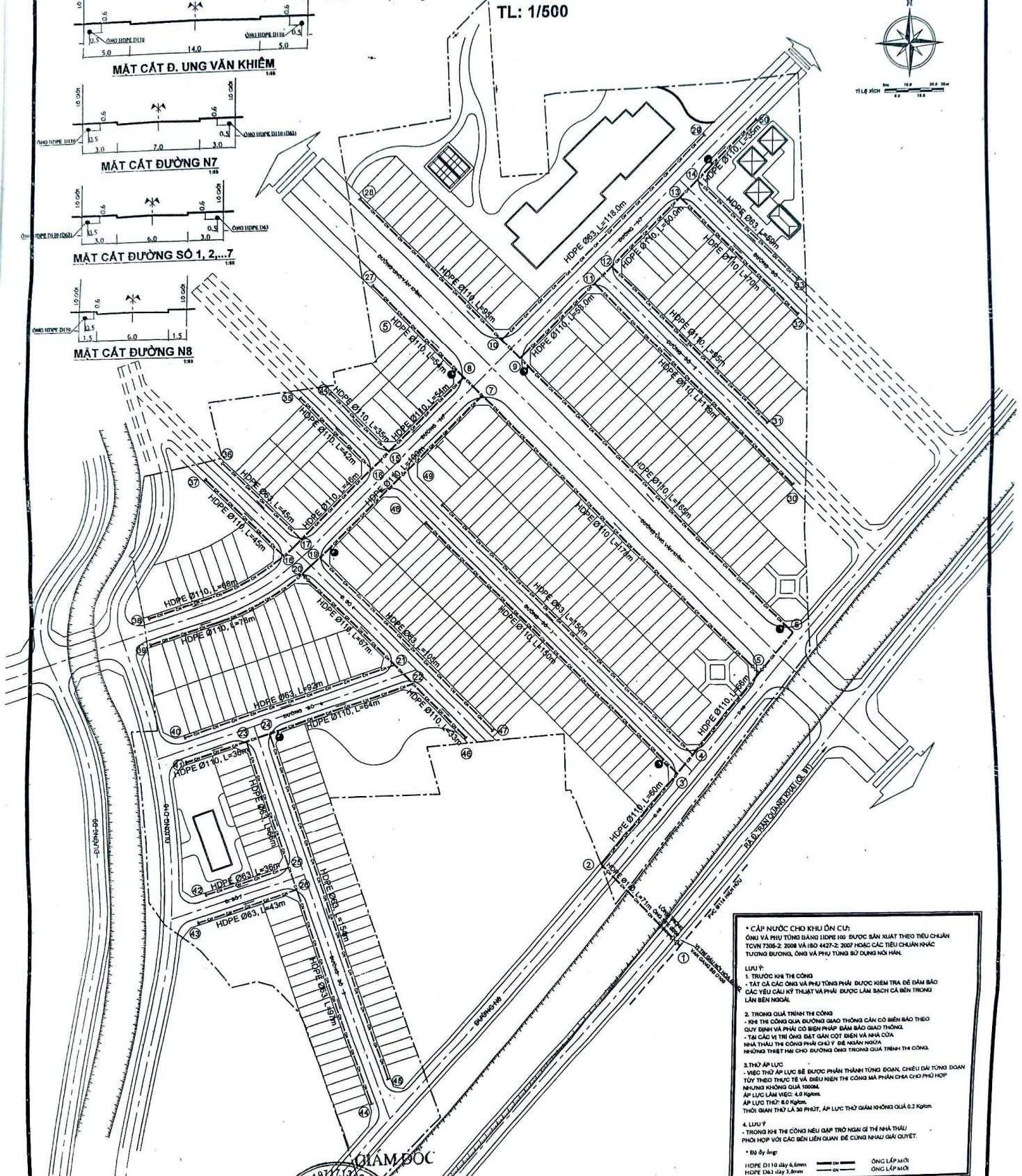
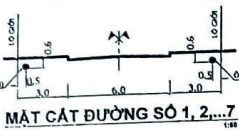
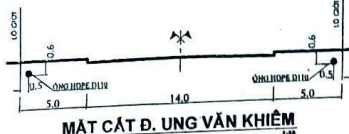
Cao Trần Thảo Uyên

KT, Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến

THÀNH PHỐ LONG XUYỀN - TỈNH AN GIANG
KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH - PHƯỜNG MỸ THỜI - TP LONG XUYỀN - AN GIANG
TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC - PCCC

TL: 1/500



*** CẤP NƯỚC CHO KHU DÂN CƯ:**
ÔNG VÀ PHỤ TÙNG BẢNG (HOPE 100) ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN TCVN 7385-2: 2008 VÀ ISO 4217-2: 2007 HẠNG CÁC TIÊU CHUẨN HẠNG TƯƠNG ĐƯƠNG. CÔNG VÀ PHỤ TÙNG SỬ DỤNG NỘI HẠNG.

LƯU Ý:

1. TRƯỚC KHI TH CÔNG
- TẤT CẢ CÁC CÔNG VÀ PHỤ TÙNG PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA ĐỂ ĐẢM BẢO CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHẢI ĐƯỢC LẮM SẠCH CẢ BÊN TRONG LẮM BÊN NGOÀI.
2. TRONG QUÁ TRÌNH TH CÔNG
- KHI TH CÔNG DƯỚI ĐƯỜNG QUAD THÔNG CẦN CỎ BÊN BẢO THEO QUY ĐỊNH VÀ PHẢI CỎ BÊN PHÁP ĐẢM BẢO QUAD THÔNG.
- TẠI CÁC VỊ TRÍ CÔNG ĐẶT GAN CỎ ĐỀN VÀ NHÀ CỎ.
- NHÀ THẦU TH CÔNG PHẢI CHẨY ĐỂ NGƯỜI NGƯỜI NHƯỜNG THIỆT HẠI CHO ĐƯỜNG CÔNG TRONG QUÁ TRÌNH TH CÔNG.
3. THỬ ÁP LỰC
- VIỆC THỬ ÁP LỰC SẼ ĐƯỢC PHÂN THÀNH TỔNG ĐOẠN, CHỈU DÀI TỔNG ĐOẠN TỐI THIỂU THỰC TẾ VÀ ĐIỀU NÊN TH CÔNG MÀ PHẢI CHỈA CỎ PHỦ HỢP NHƯNG KHÔNG QUÁ 1000M.
ÁP LỰC LẮM VIỆC: 4.0 Kg/cm.
ÁP LỰC THỬ: 6.0 Kg/cm.
THỜI GIẢN THỬ LÁ 30 PHÚT, ÁP LỰC THỬ GIẢM KHÔNG QUÁ 0.2 Kg/cm.
4. LƯU Ý
- TRONG KHI TH CÔNG NẾU GẶP TRỞ NGẠI GỖ TH NHÀ THẦU PHẢI HỢP VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỂ CÙNG NHAIU GIẢI QUYẾT.

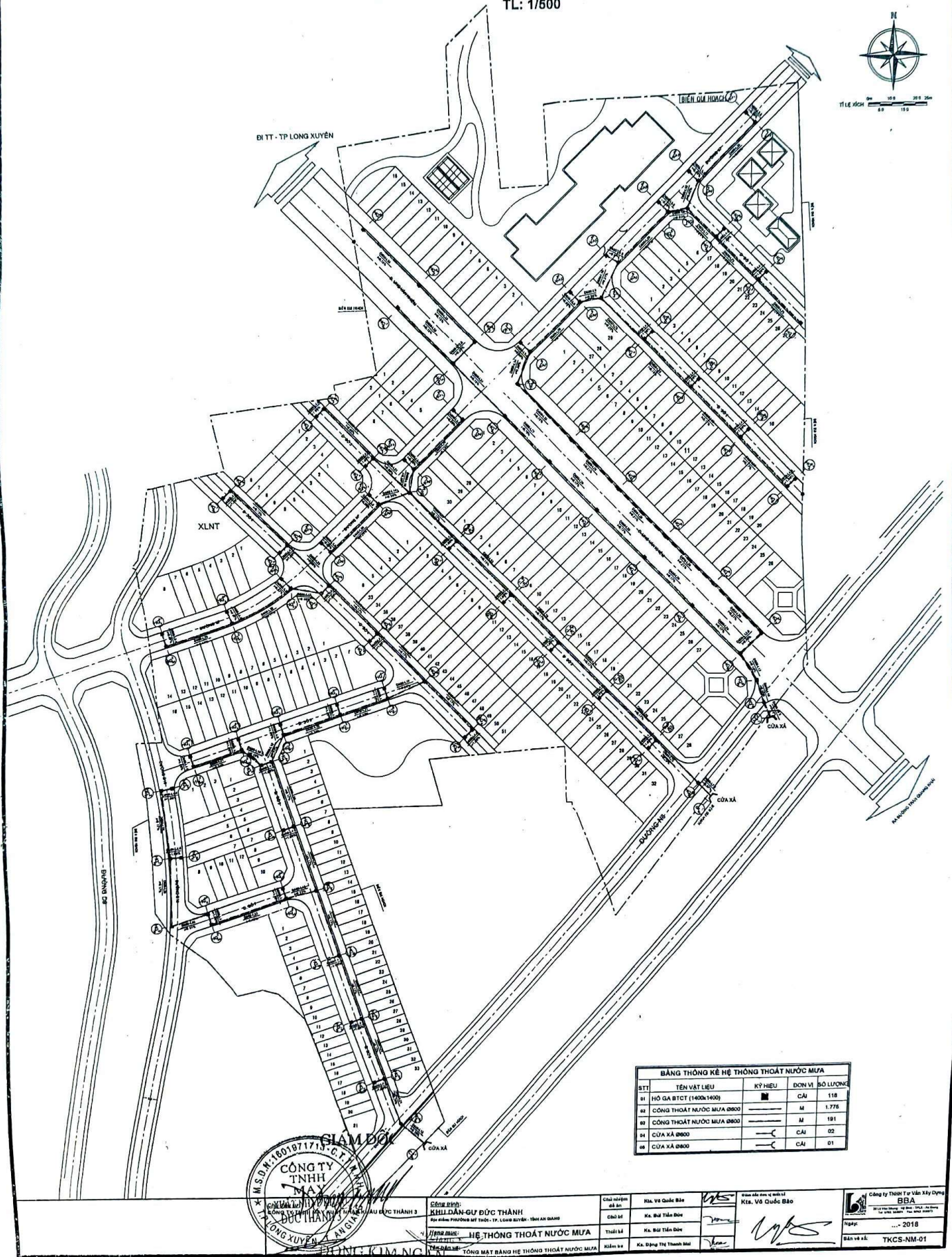
*** BỊ ĐÝ DÙNG**

HOPE D110 dày 6mm ———— CÔNG LẮP MẶT
HOPE D63 dày 3.8mm ———— CÔNG LẮP MẶT



Công trình:	Khu dân cư Đức Thành	Chủ đầu tư:	Ks. Vũ Quốc Bảo	Thiết kế:	Ks. Vũ Quốc Bảo
Đơn vị thi công:	Ks. Vũ Quốc Bảo	Chủ trì:	Ks. Vũ Quốc Bảo	Trình bày:	Ks. Vũ Quốc Bảo
Ngày:	...	2018	Bản vẽ số:	TKCS-CN-31	

THÀNH PHỐ LONG XUYỀN - TỈNH AN GIANG
KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH - PHƯỜNG MỸ THỜI - TP LONG XUYỀN - AN GIANG
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
TL: 1/500

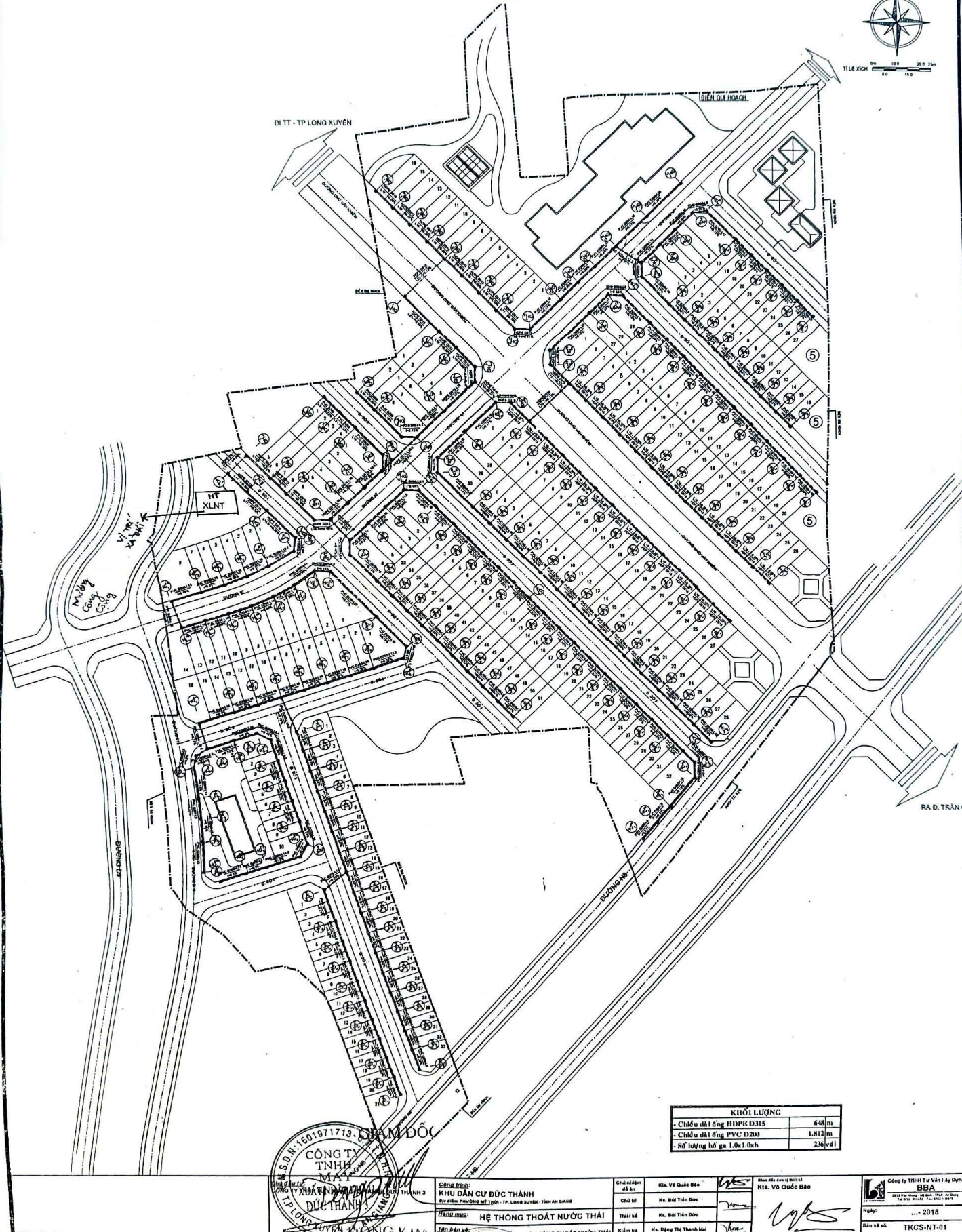


BẢNG THÔNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA				
STT	TÊN VẬT LIỆU	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
01	HỒ GA BTCT (1400x1400)		CÁI	118
02	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA Ø800		M	1.778
03	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA Ø800		M	191
04	CỬA XÃ Ø800		CÁI	02
05	CỬA XÃ Ø800		CÁI	01



CÔNG TY TNHH MỸ THỜI Khu dân cư Đức Thành - Phường Mỹ Thời - TP. Long Xuyên - Tỉnh An Giang		Chủ đầu tư: Kia. V& Quốc Bảo Thiết kế: Ks. Bùi Tiến Đức Thẩm định: Ks. Bùi Tiến Đức Nhận xét: Ks. Đặng Thị Thanh Mai	Ngày: ... 2018 Bản vẽ số: TKGS-NM-01
---	--	---	---

THÀNH PHỐ LONG XUYỀN - TỈNH AN GIANG
 KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH - PHƯỜNG MỸ THỜI - TP LONG XUYỀN - AN GIANG
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
 TL: 1/500



KHỐI LƯỢNG	
- Chiều dài ống HDPE D315	640m
- Chiều dài ống PVC D200	1.812m
- Số hố ng thu gom 1.0x1.0ch	236 cái



KHU DÂN CƯ ĐỨC THÀNH
 PHƯỜNG MỸ THỜI - TP LONG XUYỀN - AN GIANG
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư	Kts. Võ Quốc Bảo
Chủ trì	Kts. Bùi Tiến Đức
Thiết kế	Kts. Bùi Tiến Đức
Kiểm tra	Kts. Đặng Thị Thanh Mai

Ngày: .../.../2018
 Dấu và chữ: *[Signature]*

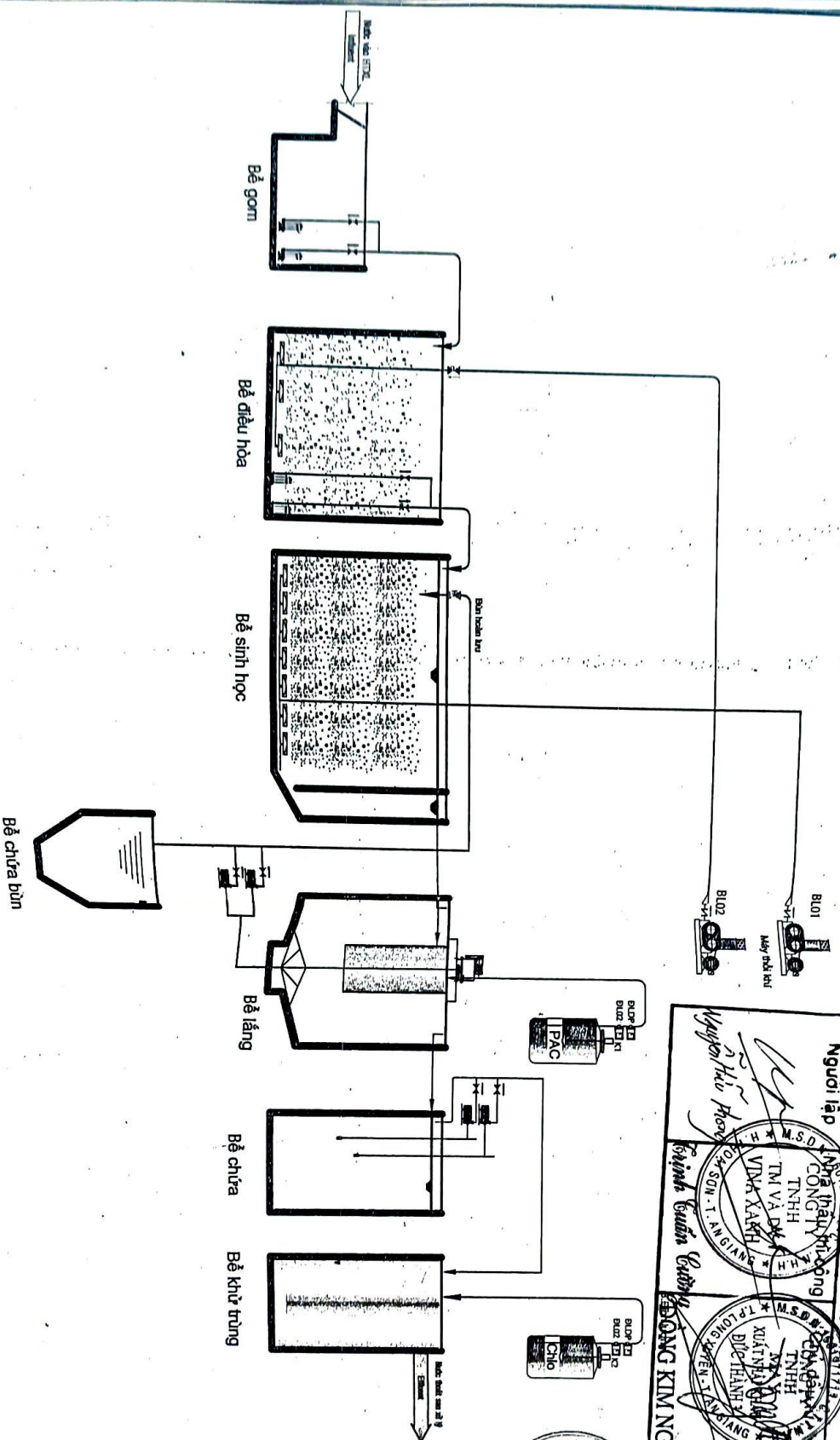
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng
BBA
 Ngày: .../.../2018
 Dấu và chữ: TKCS-NT-01

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày hoàn công: 01.n.iii.2020	
Người lập	Người kiểm tra
 Nguyễn Văn Hoàng Giám đốc Kỹ thuật	 Đồng Kim Ngân Giám đốc Dự án
	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT: 600M³/NGÀY. ĐÊM

AN GIANG, THÁNG 01 NĂM 2020

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI **Công suất 600 m³/ngày đêm**



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày hoàn công: 01/10/2023
 Người lập: Nguyễn Hữu Hoàng
 Công ty TNHH TM VÀ DV VINA XANH
 TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH
 XÃ LUYỆN KIỆT - T. AN GIANG
 ĐỨC THẮNG

ĐỨC KIM NGÂN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINA XANH
 64/72/2, Tân Thành Thuận - P. Bình Nhưỡng
 Thuận Hải - Long Xuyên - TP. An Giang
 ĐT: 0293 820344 DĐ: 0903 482222
 Email: vinoxanh.vn@gmail.com

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH
 TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG

TRẦN TUẤN CƯỜNG

NGUYỄN VĂN LÚA

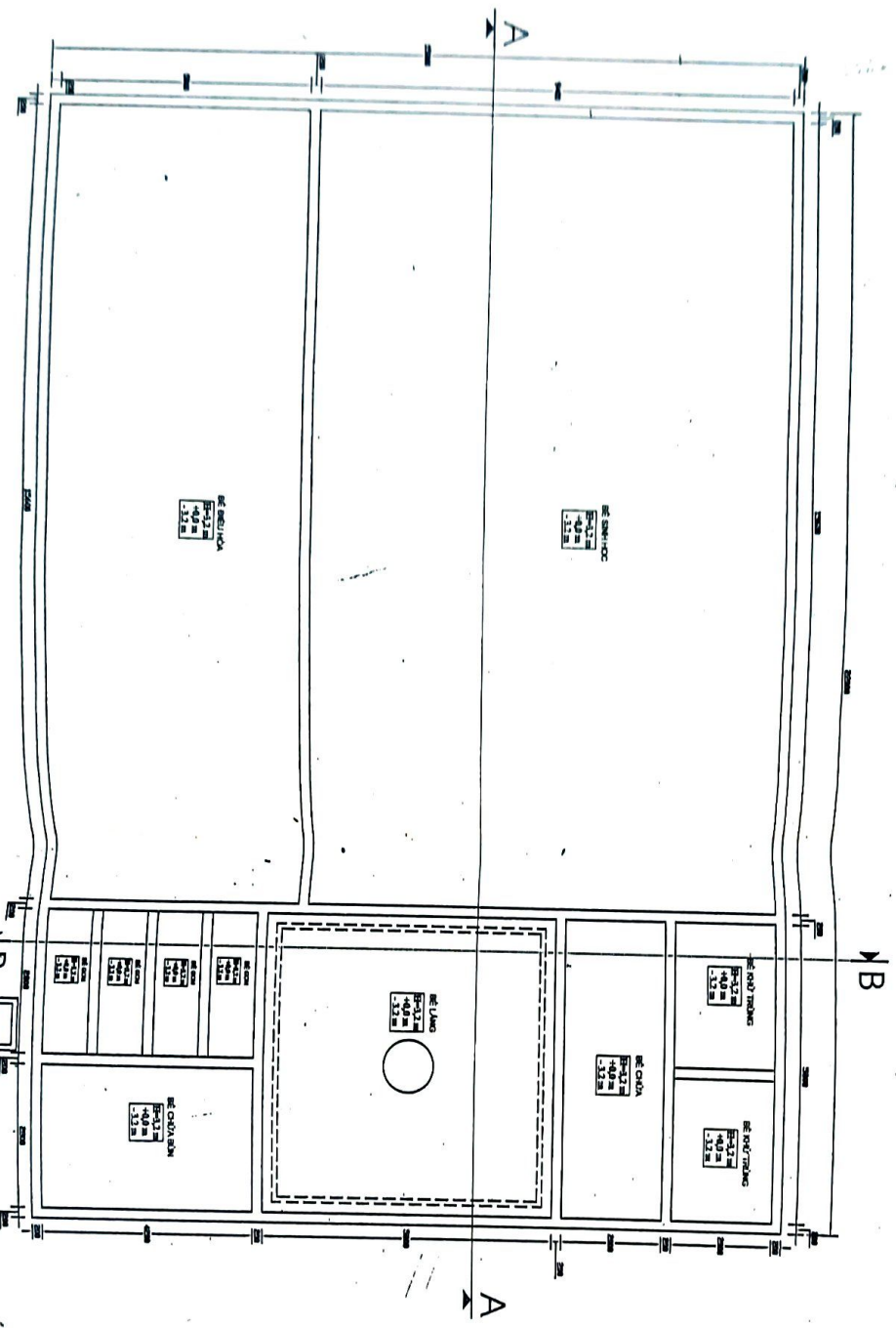
[Signature]

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công suất 600 m³/ngày.đêm

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
HÀN VĨ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Phạm Văn Công

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
ĐỒNG KIM NGÂN	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	



CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
ĐỒNG KIM NGÂN	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	

HỒ GÀ TÔNG

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
ĐỒNG KIM NGÂN	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	

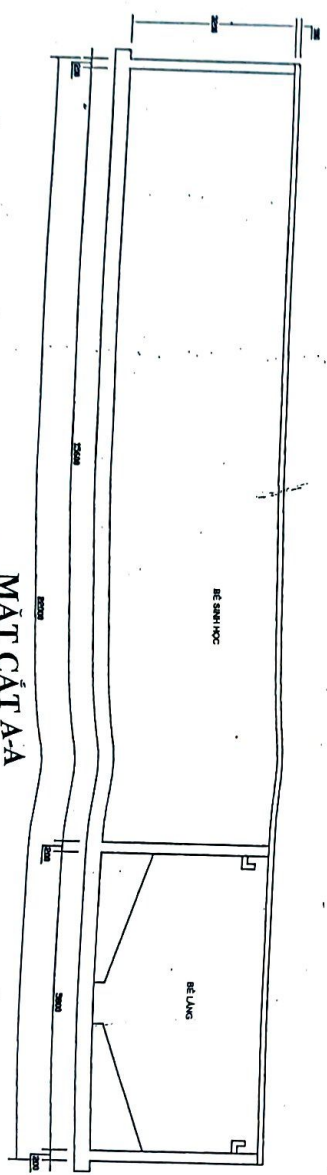
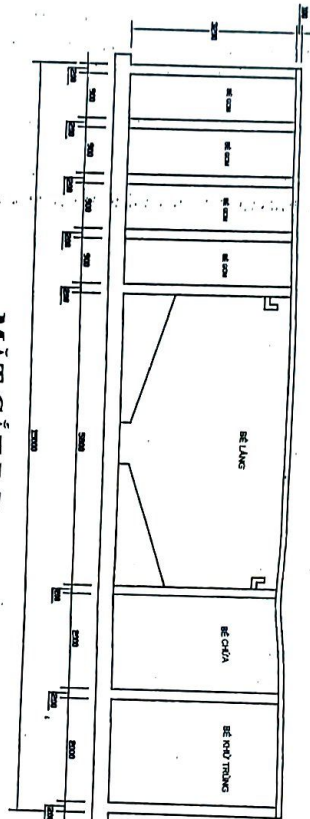
MẶT CẮT BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT CẮT B-B

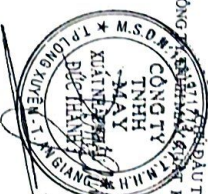
MẶT CẮT A-A

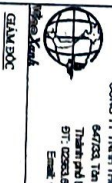
ĐỒNG KIM NGÂN

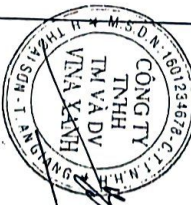
CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
 	



ĐỒNG KIM NGÂN

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
	

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
	

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
	

TRẦN TUẤN CƯỜNG

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
	

NGUYỄN VĂN LÚA

CÔNG TY TNHH TM VÀ DV VINA XANH	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày 10 tháng 01 năm 2020	
Người lập	Chủ đầu tư
Nguyễn Hòa Hưng	ĐỒNG KIM NGÂN
	

HANOI, VI
 HOAN CONG NG TRONH XU LY NUOC THAI SONH NUA Y DINH
 DINH VI
 MAT BANG DINH VI, CHU TIET LO TRONH
 TT NG 1/1/2010
 Nhap hieu thanh 01/2010

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINA XANH

Thien and Long Nguyen - The An Giang
DT: 02824 802044 DE: 0944 486222
Email: whu@nhaogiang.com

CLAIMED

TRẦN TUẤN CƯỜNG

NGUYỄN VĂN LŨA

INDEX

